

Bản án số: 50/2024/DS-ST

Ngày: 30-01-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Bảo Lâm

2/ Bà Phạm Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Chung Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/TLST-DS ngày 10/10/2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**; Trụ sở: phường S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M; địa chỉ liên hệ: phường Võ Thị S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền số 595/2022/UQ-TGD ngày 31/10/2022) (*Ông M có mặt*).

Bị đơn: Ông **Dương Đình N**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (*Ông N vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/5/2016, ông Dương Đình N (sau đây gọi là Bị đơn) có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Nguyên đơn/Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), loại thẻ visa, số thẻ 472074-3094, hạn mức tín dụng 40.000.000 đồng, lãi suất áp dụng 2.6%. Sau khi

được cấp thẻ tín dụng, Bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 450.685.702 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Bị đơn phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bị đơn đã thanh toán số tiền 470.040.734 đồng theo thứ tự thanh toán: Các khoản phí hoặc lãi của kỳ trước; giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; các khoản phí/lãi trong kỳ; giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Từ ngày 31/7/2020 Bị đơn không thanh toán khoản tiền còn nợ mặc dù Nguyên đơn nhiều lần nhắc nhở. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/12/2020 Nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn tại thời điểm này dư nợ gốc là 42.533.556 đồng và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất được công bố. Do đó, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 15/12/2023 là 103.909.896 đồng, trong đó nợ gốc là 42.533.556, lãi quá hạn là 61.376.340 đồng. Ngoài ra, Bị đơn còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/12/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết, Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Bị đơn phải trả ngay số tiền tạm tính đến ngày 30/01/2024 như sau: **Dư nợ gốc:** 42.533.556 đồng; **nợ lãi:** 63.919.864 đồng, **tổng cộng:** 106.453.420 đồng. Ngoài ra, Bị đơn có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 31/01/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Do ông Dương Đình N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông Dương Đình N phải thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng thẻ tín dụng và lãi phát sinh từ ngày 31/01/2024 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất thỏa thuận tại trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng là có căn cứ. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn vắng mặt không có lý do là từ chối quyền phản bác đối với yêu cầu của Nguyên đơn nên căn cứ vào tài liệu phía Nguyên đơn cung cấp là tài liệu không cần phải chứng minh để giải quyết vụ án là có căn cứ. Căn cứ khoản 2 Điều 91, 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Dương Đình N;. Tại kết quả xác minh của Công an xã B, huyện T, tỉnh Q thì ông Dương Đình N có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng vắng mặt không rõ đi đâu. Kết quả xác minh của Công an Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện tại địa chỉ Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh không có ông Dương Đình N cư ngụ. Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 31/5/2016, đơn xác nhận tạm trú thì thể hiện Bị đơn có địa chỉ tạm trú tại Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu ông Dương Đình N thanh toán số tiền nợ tổng cộng là: 106.453.420 đồng và lãi phát sinh từ ngày 31/01/2024 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng:

Căn cứ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 31/5/2016, bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S xác nhận của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có đủ cơ sở xác định Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có cấp thẻ tín dụng cho Bị đơn với hạn mức tín dụng 40.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 450.685.702 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/12/2020 Nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 42.533.556 đồng sang nợ quá hạn. Đối chiếu lời khai của Nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét thấy Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết với Nguyên đơn. Tính đến ngày 30/01/2024, Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền như sau: Dư nợ gốc: 42.533.556 đồng; nợ lãi: 63.919.864 đồng, tổng cộng: 106.453.420 đồng. Xét thấy việc Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả ngay một lần toàn bộ số tiền trên và tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/01/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

[2.2] Phương thức và thời hạn thanh toán: Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nguyên đơn, nên Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải có nghĩa vụ trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.322.671 đồng.

Hoàn lại cho Nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.974.300 đồng.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271, 273 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ các Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

Buộc ông Dương Đình N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 106.453.420 đồng (một trăm lẻ sáu triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi) đồng. Trong đó: nợ gốc: 42.533.556 (bốn mươi hai triệu năm trăm ba mươi ba ngàn năm trăm năm mươi sáu) đồng; nợ lãi: 63.919.864 (sáu mươi ba triệu chín trăm mười chín ngàn tám trăm sáu mươi bốn) đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 31/01/2024 ông Dương Đình N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 31/5/2016, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Thời hạn và phương thức trả: Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Đình N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.322.671 (năm triệu ba trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm bảy mươi một) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.974.300 đồng (một triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn ba trăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0032409 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4/Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Lê Diễm Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

